

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**  
**CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN**  
***“Về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại***  
***trên địa bàn huyện Đam Rông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”***

-----

Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy *“Về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến 2030”*; Huyện ủy Đam Rông xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của toàn Đảng bộ và nhân dân trong huyện để lãnh đạo, cụ thể hóa, sớm đưa Nghị quyết số 21-NQ/TU của Tỉnh ủy Lâm Đồng *“Về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến 2030”* vào cuộc sống.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở để đẩy mạnh, quyết liệt trong công tác lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp ở địa phương theo hướng toàn diện, bền vững và từng bước hiện đại, đưa huyện Đam Rông sớm đạt chuẩn huyện nông thôn mới theo mục tiêu đề ra.

- Tăng cường sự lãnh đạo, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội để tuyên truyền, vận động nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động để hăng hái thi đua lao động sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

**2. Yêu cầu**

- Các cấp ủy đảng, cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên nêu cao trách nhiệm, quyết tâm chính trị, tinh thần tự giác, gương mẫu và cụ thể hóa thực hiện tốt Nghị quyết số 21-NQ/TU của Tỉnh ủy.

- Xác định những nội dung trọng tâm, trọng điểm, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp gắn với lồng ghép tốt các nguồn lực, phát huy nội lực để tổ chức thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu của Chương trình hành động đề ra.

- Quá trình tổ chức thực hiện phải thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động; đề cao tinh thần chủ động, quyết tâm, đổi mới, sáng tạo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

## II. THỰC TRẠNG NỀN NÔNG NGHIỆP CỦA HUYỆN.

Những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở ngành của tỉnh và sự nỗ lực cố gắng của cả hệ thống chính trị, nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện nên sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, có bước chuyển biến rõ nét. Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành giai đoạn 2020 - 2022 đạt 13,36%. Hiện nay, tổng diện tích gieo trồng 21.287,6 ha; trong đó diện tích cây hàng năm 4.608 ha, diện tích cây lâu năm 16.679,6 ha. Năng suất của một số cây trồng chủ lực đều tăng theo kế hoạch đề ra; thông qua công tác khuyến nông và hỗ trợ phát triển sản xuất, nhiều nông hộ đã ứng dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất, do đó đã xuất hiện và nhân rộng nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho thu nhập trung bình gấp 5 - 7 lần so với sản xuất truyền thống<sup>1</sup>; xây dựng, hình thành 11 chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm<sup>2</sup>; 06 sản phẩm đặc trưng của huyện được công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh<sup>3</sup>; huyện có hơn 809,7 ha<sup>4</sup> sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 25 ha đất sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ (*10 ha mắc ca và 15 ha sầu riêng*); 05 mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh (*mô hình IoT*); 18 ha nhà kính trồng rau, hoa công nghệ cao.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên; sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện có năng suất, thu nhập trên đơn vị diện tích còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh, còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, phát triển thiếu bền vững, sản xuất còn chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu (*hạn hán, bão, lũ...*); trình độ canh tác của một bộ phận nông hộ còn hạn chế; công tác bảo quản nông sản sau thu hoạch, sơ

<sup>1</sup> Mô hình sản xuất rau, hoa công nghệ cao cho thu nhập 800 - 1.000 triệu đồng/ha, gấp 8 - 10 lần trồng cà phê; mô hình trồng xen Mắc ca xen vườn cà phê cho thu nhập 150 - 170 triệu đồng/ha, gấp 3 - 3,5 lần trồng cà phê; mô hình trồng cây Sầu riêng cho thu nhập 400 - 600 triệu đồng/ha, gấp 4 - 6 lần trồng cà phê; mô hình trồng dâu nuôi tằm cho thu nhập 200 - 250 triệu đồng/ha, gấp 8 - 10 lần trồng lúa.

<sup>2</sup> Dâu tằm 02 chuỗi tại xã Rô Men và Đạ Rsal; chuỗi Laba 02 chuỗi tại xã Đạ K'Nang; sản xuất rau thương phẩm 02 chuỗi tại xã Phi Liêng và Đạ K'Nang; sản xuất sầu riêng 01 chuỗi tại xã Đạ Rsal; sản xuất Mắc ca 01 chuỗi tại xã Phi Liêng; nuôi cá tằm 01 chuỗi tại xã Rô Men; sản xuất và chế biến cà phê 01 chuỗi tại xã Liêng Srônh; 01 chuỗi trái cây tại xã Rô Men (dừa mật).

<sup>3</sup> Chuỗi Laba, xã Đạ K'Nang; Hạt mắc ca sấy, xã Phi Liêng; cà phê phin và Trà dây rừng, xã Liêng Srônh; Dừa mật, xã Rô Men; Sầu riêng, xã Đạ RSal

<sup>4</sup> Rau hoa thương phẩm 35 ha; cây ăn quả 765 ha và nuôi cá tằm 9,7 ha.

chế, chế biến còn nhiều khó khăn; ý thức trách nhiệm của người dân trong công tác quản lý bảo vệ rừng chưa cao nên vẫn còn xảy ra vi phạm Luật Lâm nghiệp.

### **III. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU.**

#### **1. Quan điểm.**

- Bám sát Nghị Quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (*khóa XIII*) “*Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng “*Về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến 2030*”; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 để xác định rõ lộ trình, nguồn lực triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp thực tiễn tại địa phương và có tính khả thi cao.

- Phát triển nông nghiệp bền vững theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế từng tiểu vùng, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư cho nền nông nghiệp của huyện từng bước phát triển bền vững, hiện đại. Hình thành nhiều ngành hàng nông nghiệp có chất lượng, giá trị kinh tế và sức cạnh tranh cao. Quan hệ sản xuất không ngừng được đổi mới, hỗ trợ, xây dựng các hợp tác xã, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm làm đầu tàu lôi kéo, thúc đẩy sản xuất phát triển, trở thành nền tảng đẩy mạnh hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản gắn với thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

#### **2. Mục tiêu.**

##### **2.1. Mục tiêu chung.**

Xác định nông nghiệp là ngành kinh tế chủ lực để tăng tốc, bứt phá, thúc đẩy xây dựng huyện Đam Rông đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025; lồng ghép sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất phù hợp với điều kiện, trình độ canh tác của nông hộ, nhằm phát huy lợi thế, tiềm năng của từng tiểu vùng, gắn với thực hiện tốt kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; xây dựng và phát triển nền nông nghiệp của huyện theo hướng đa giá trị mang lại hiệu

quả kinh tế cao, bền vững, bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng và thích ứng với biến đổi khí hậu; từng bước nâng cao thu nhập và đời sống cho nhân dân, rút ngắn khoảng cách chênh lệch về thu nhập của huyện với các địa phương trong tỉnh.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025.**

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2025 của ngành nông nghiệp phấn đấu đạt 13 - 14%/năm. Tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 45 - 47% cơ cấu kinh tế; cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: Trồng trọt 75 - 76%, chăn nuôi 20 - 21%, dịch vụ 4 - 5%. Năng suất lao động nông lâm thủy sản tăng bình quân 12 - 13%/năm.

- Giá trị sản xuất bình quân trên một đơn vị diện tích đạt trên 165 triệu đồng/ha/năm (giá trị thu nhập bình quân đạt trên 70 triệu/ha/năm), từng bước chuyển đổi diện tích sản xuất kém hiệu quả (*dưới 50 triệu đồng/ha/năm*) xuống còn 5%. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; từng bước hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (*phấn đấu đến cuối năm 2023 hình thành vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao rau, quả và hoa thương phẩm tại Phi Liêng, Đa K'Nàng và vùng trồng sầu riêng ứng dụng công nghệ cao tại xã Đa Rsal, Liêng Srônh, Rô Men*); đẩy mạnh thực hiện cấp mã số vùng trồng, mã số đóng gói sản phẩm nông sản trên địa bàn để nâng cao khả năng cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu xuất khẩu. Phấn đấu đến năm 2025, có từ 8 - 10% diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giá trị sản xuất đạt trên 230 triệu đồng/ha.

- Đẩy mạnh xây dựng các chuỗi liên kết và tiêu thụ nông sản, phấn đấu mỗi năm tăng thêm 3 - 4 chuỗi. Đến năm 2025, Huyện có trên 30 chuỗi liên kết; tỷ lệ tiêu thụ nông sản qua chuỗi đạt trên 30%; tỷ lệ nông sản qua sơ chế, chế biến đạt 50%, tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch giảm dưới 13%; có ít nhất 25 sản phẩm OCOP cấp tỉnh, trong đó có 1 - 3 sản phẩm đạt 5 sao, 5 - 7 sản phẩm đạt 4 sao; 15 - 19 sản phẩm đạt 3 sao; đầu tư, hỗ trợ phát triển các điểm trưng bày, bán các sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện, rà soát đưa 100% sản phẩm OCOP của huyện lên sàn thương mại điện tử. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp một cách toàn diện, đồng bộ từ quản lý đến tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nhất là nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập người dân, giảm nghèo bền vững. Huyện có 95% đường giao thông nông thôn, giao thông nội vùng được cứng hóa, 85% diện tích canh tác được tưới tiêu chủ động, thu nhập bình quân của người dân tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.

- Huyện có 8/8 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 3/8 xã đạt nông thôn mới nâng cao, 1/8 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; Huyện đạt chuẩn nông thôn mới; duy trì độ che phủ rừng 65%.

### **2.3. Định hướng đến năm 2030.**

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2025 - 2030 của ngành nông nghiệp đạt 9 - 10%/năm. Tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 39,4% cơ cấu kinh tế; năng suất lao động nông lâm thủy sản tăng bình quân 6 - 6,5%/năm; thu nhập của người dân bằng bình quân chung của tỉnh.

- Giá trị sản xuất bình quân trên một đơn vị diện tích đạt trên 180 triệu đồng/ha (giá trị thu nhập bình quân đạt trên 78 triệu đồng/ha/năm); diện tích kém hiệu quả giảm xuống dưới 5%. Huyện có từ 12 - 14% diện tích canh tác ứng dụng công nghệ cao gắn với mở rộng liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị.

- Có 45 chuỗi liên kết; có trên 25 sản phẩm (OCOP) cấp tỉnh, trong đó có 5 sản phẩm đạt 5 sao, 10 sản phẩm đạt 4 sao; 10 sản phẩm đạt 3 sao.

- Hoàn thiện hệ thống giao thông nội vùng, thủy lợi và chế biến sản phẩm nông nghiệp, đảm bảo trên 95% đường giao thông nông thôn, giao thông nội vùng được cứng hóa; 90% diện tích canh tác được tưới, tiêu chủ động.

- Huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (trong đó có 4/8 xã đạt nông thôn mới nâng cao, 2/8 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu). Duy trì độ che phủ rừng 65%; khai thác hiệu quả các tiềm năng của rừng để phát triển các dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng dưới tán rừng, du lịch cộng đồng...phấn đấu mỗi năm thu hút trung bình 350 - 500 nghìn lượt khách/năm.

## **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP.**

**1. Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo lợi thế của từng địa phương để tạo ra sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, đáp ứng cho thị trường, gia tăng thu nhập trên đơn vị diện tích.**

- Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, gắn với quản lý tốt quy hoạch vùng Huyện đến năm 2040. Thay đổi tư duy làm nông nghiệp từ chú trọng tăng năng suất, sản lượng nông sản sang làm kinh tế nông nghiệp theo tiêu chí hiệu quả và phát triển bền vững.

- Phát triển kinh tế nông nghiệp phải kết hợp hài hòa với bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào tất cả các lĩnh vực sản xuất. Đảm bảo cơ cấu nông nghiệp hợp lý theo hướng thâm canh, tăng năng suất, chất lượng các cây trồng chủ lực, gắn trồng trọt với chăn nuôi nhằm tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu kinh tế của huyện; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trang trại gắn với hình thành các khu chăn nuôi tập trung an toàn dịch bệnh (tại khu vực 3 xã Đạ M'Rông, Đạ Tông và Đạ Long; khu vực Phi Liên và Đạ K'Nàng).

- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án phát triển sản xuất trọng tâm của huyện, như: kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp; đề án phát triển cây dược liệu; thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia... gắn liên kết sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao giá trị gia tăng, tăng thu nhập của người dân.

- Đối với các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh (*cà phê, sầu riêng, mắc ca, chuối Laba, cá nước lạnh*) tập trung nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, theo quy hoạch để hình thành chuỗi ngành hàng có giá trị gia tăng cao, có năng lực cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

- Đẩy mạnh, khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, từng bước hình thành vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện, gắn sản xuất nông nghiệp với phát triển du lịch canh nông ở những nơi có điều kiện. Phấn đấu đến năm 2025, có 8 - 10% diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đến năm 2030, đạt 12 - 14%, cụ thể:

### **1.1. Về trồng trọt**

- Lựa chọn mức độ ứng dụng công nghệ phù hợp đối với từng vùng sản xuất, từng đối tượng cây trồng, ứng dụng các thành tựu của khoa học công nghệ trong sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng nông sản nhằm góp phần đưa giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích canh tác trung bình đạt 165 triệu đồng/ha/năm vào năm 2025 và đạt 180 triệu đồng/ha/năm vào năm 2030.

- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng mở rộng quy mô sản xuất, hình thành các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Tiếp tục tuyên truyền, vận động, hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tập trung phát triển cây ăn quả (*chủ yếu là cây Sầu Riêng, Dứa tại Đạ Rsal, Liêng Srônh, Rô Men và khu vực 3 xã Đầm Ròn; Mắc ca, rau, hoa thương phẩm, chuối Laba tại Phi Liêng, Đạ K'Nàng...*) hoặc trồng cây ăn quả xen trong vườn cà phê. Phấn đấu đến năm 2025, diện tích canh tác rau, hoa thương phẩm đạt 700 ha; diện tích cây ăn quả đạt trên 2.000 ha, sản lượng đạt trên 32 nghìn tấn; diện tích cây Mắc ca trên 1.500 ha; diện tích cây dược liệu 400 ha; diện tích trồng dâu nuôi tằm trên 1.000 ha. Tập trung xây dựng, hình thành và mở rộng vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: sản xuất rau, hoa, quả thương phẩm tại xã Phi Liêng, Đạ K'Nàng; vùng trồng Sầu riêng ứng dụng công nghệ cao tại Đạ Rsal, Liêng Srônh, Rô Men.

- Đẩy mạnh chuyển đổi diện tích sản xuất kém hiệu quả (*dưới 50 triệu đồng/ha/năm, như: sản xuất lúa 1 vụ, diện tích điều tại khu vực 3 xã Đầm Ròn, diện tích cà phê kém hiệu quả...*) sang trồng các loại cây trồng có hiệu quả cao (*trồng dâu nuôi tằm, trồng cây ăn quả...*) hoặc chăn nuôi phù hợp với điều kiện từng vùng và trình độ canh tác của người dân. Mở rộng liên kết giữa 5 nhà “Nhà

*nước- Nhà đầu tư (doanh nghiệp) - Nhà khoa học - Nhà nông - Nhà bank (ngân hàng)”; khuyến khích, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, xây dựng các chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến, gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp.*

- Chỉ đạo lồng ghép tốt các nguồn vốn để hỗ trợ phát triển sinh kế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời đẩy mạnh công tác khuyến nông, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất cho nông hộ, hợp tác xã gắn với mở rộng diện tích sản xuất VietGap, Global Gap... Thực hiện chuyển đổi số nông nghiệp, rà soát, đẩy mạnh thực hiện cấp mã số vùng trồng, mã số đóng gói sản phẩm trên địa bàn huyện để nâng cao khả năng cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

### **1.2. Về chăn nuôi**

- Tập trung tăng đàn, cải thiện đàn vật nuôi cả về số lượng và chất lượng, áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật theo hướng chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm để nâng cao sản lượng. Hình thành các khu chăn nuôi tập trung (*tại khu vực 03 xã Đa M’Rông, Đa Tông và Đa Long; khu vực Phi Liêng, Đa K’Nàng*).

- Ưu tiên lồng ghép các nguồn lực để mở rộng diện tích trồng dâu, đẩy mạnh xây dựng liên kết sản xuất chăn nuôi tầm, tiêu thụ sản phẩm kén tầm, ươm tơ. Đến năm 2025, diện tích dâu tầm đạt trên 1.000 ha, sản lượng kén tầm đạt trên 1.800 tấn và đến năm 2030, diện tích dâu tầm đạt trên 1.200 ha, sản lượng kén tầm đạt trên 2.000 tấn.

### **1.3. Về thủy sản**

Khai thác hiệu quả diện tích mặt nước để phát triển nuôi trồng thủy sản; ưu tiên phát triển các loài thủy sản đặc sản có giá trị kinh tế cao, thị trường tiêu thụ ổn định như cá nước lạnh (cá Tầm)... Đến năm 2030 diện tích cá nước lạnh trên 50 ha (*chủ yếu ở các xã Rô Men, Liêng Srônh, Đa Tông*).

**2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, thông minh trong nông nghiệp theo hướng bền vững về môi trường, từng bước nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp.**

#### **2.1 Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn.**

- Từng bước áp dụng chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp từ khâu quản lý đến quá trình sản xuất; tạo lập dữ liệu, số hóa, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Xây dựng mã vùng trồng đối với các cây trồng chủ lực của huyện như sầu riêng, mắc ca, chuối Laba... ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ, phân tích, phát hiện sớm dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Phát triển nông nghiệp thông minh, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ số trong canh tác, truy xuất nguồn gốc sản phẩm tạo sự minh bạch thông tin sản phẩm; đăng ký và đưa các sản phẩm nông sản chủ lực của huyện lên sàn thương mại điện tử, trong đó có 100% các sản phẩm OCOP được đưa lên sàn thương mại điện tử.

## **2.2. Tiếp tục phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ.**

- Tăng cường áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, chọn lựa, ứng dụng phù hợp các công nghệ mới; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông minh, tự động hóa tại các vùng sản xuất chuyên canh; nâng cao mức độ ứng dụng công nghệ cao từ sản xuất đến thu hoạch, chế biến gắn với chuỗi giá trị. Đến năm 2025, có 8 - 10% diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đến năm 2030, đạt 12 - 14%; hình thành vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các loại cây trồng chủ lực, tiềm năng, thế mạnh.

- Thực hiện thí điểm và nhân rộng các mô hình nông nghiệp xanh, sạch, thân thiện với môi trường, ứng dụng hiệu quả khoa học kỹ thuật vào sản xuất, như: nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp với du lịch canh nông, vườn sản xuất kiểu mẫu, trang trại kiểu mẫu.

## **3. Phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn nhằm giảm thiểu tác động môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.**

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quy trình canh tác phù hợp với biến đổi khí hậu; ứng dụng và nhân rộng quy trình canh tác tổng hợp theo hướng sinh thái, an toàn sinh học, hạn chế dịch bệnh; thay thế dần các hóa chất sử dụng trong nông nghiệp bằng các sản phẩm sinh học, có nguồn gốc hữu cơ.

- Nhân rộng và phát triển các mô hình nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn để khai thác các nguồn nguyên liệu tại chỗ, nguồn phụ phẩm, phế phẩm tái chế để phục vụ lại cho sản xuất, chăn nuôi, giảm chi phí đầu tư, nâng cao thu nhập cho nông hộ; bảo vệ môi trường và sức khỏe người tiêu dùng.

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hình thức khép kín, ứng dụng công nghệ cao theo hướng an toàn sinh học, áp dụng triệt để các giải pháp xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; thực hiện di dời, chấm dứt hoạt động hoặc chuyển đổi ngành nghề đối với các cơ sở trong khu vực không được phép chăn nuôi.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các biện pháp, giải pháp phòng, chống phá rừng, vi phạm Luật Lâm nghiệp; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của rừng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; rà soát, trồng các loại cây lâm nghiệp, cây đa mục đích, cây dược liệu phù hợp với điều kiện từng tiểu vùng nhằm

duy trì tỷ lệ độ che phủ của rừng 65%, góp phần bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2025, chủ động trong công tác phòng ngừa, ứng phó kịp thời với các loại hình thiên tai theo phương châm “Bốn tại chỗ”, “Ba sẵn sàng”; “Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả” nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra.

#### **4. Xây dựng hệ thống phân phối sản phẩm nông nghiệp thông minh trên cơ sở phát triển liên kết chuỗi giá trị bền vững hiệu quả.**

- Tập trung hoàn thiện, thúc đẩy phát triển các chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, có lợi thế cạnh tranh, xu hướng thị trường. Xác định định hợp tác xã và doanh nghiệp là tác nhân chính để gắn kết, phát triển chuỗi giá trị theo tiêu chí “*Doanh nghiệp là nòng cốt, kinh tế tập thể, hợp tác xã là trung tâm, nông dân là chủ thể*”. Phấn đấu đến năm 2025, có trên 30 chuỗi liên kết, nâng tỷ lệ tiêu thụ nông sản qua chuỗi đạt trên 50%; đến năm 2030, có 40 chuỗi, có trên 70% sản lượng nông sản được tiêu thụ thông qua chuỗi.

- Đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến thương mại trên sàn thương mại điện tử, đặc biệt là các sản phẩm OCOP. Thực hiện quy trình kiểm soát chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế.

#### **5. Từng bước đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiệu quả và hiện đại.**

- Ưu tiên đầu tư củng cố, nâng cấp, phát triển hạ tầng nông thôn theo hướng hiện đại, đồng bộ, kết nối để thuận tiện cho quá trình sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là hệ thống lưới điện phục vụ sản xuất, hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng.

- Lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư và đưa vào sử dụng một số công trình hạ tầng trọng điểm của huyện như: công trình Nâng cấp hồ Đa Ri Ông, xã Rô Men; công trình Xây dựng hồ thủy lợi Đa Pin, xã Đa K’Nang; nâng cấp hệ thống kênh nội đồng nhằm đảm bảo tưới, tiêu chủ động.

- Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của đơn vị quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn; chủ động ứng phó có hiệu quả với các tình huống bất lợi, phòng chống hạn hán, thiếu nước, ngập úng, sạt lở...bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, nhất là các hồ chứa và vùng hạ du đập.

#### **6. Tăng cường công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước.**

- Tăng cường hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu phát triển ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ thông qua các dự án, đề tài khoa học công nghệ; đặc biệt là công nghệ nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ chế biến, bảo quản nông sản...Khuyến khích, hỗ trợ

khởi nghiệp từ các nông hộ, chủ trang trại, nhất là nông dân thế hệ mới thông qua các quỹ đầu tư khởi nghiệp để thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã mở rộng quy mô sản xuất, liên kết với các hộ dân khác trong sản xuất và tiêu thụ nông sản.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn, đổi mới toàn diện hình thức, nội dung đào tạo nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng sản xuất của nông hộ. Đổi mới công tác khuyến nông, chuyển giao khoa học kỹ thuật theo hướng kết hợp giữa nhà nước và doanh nghiệp; tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận hệ thống thông tin chính thống, đáng tin cậy về thị trường, công nghệ, các quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật, có kiến thức pháp luật khi tham gia các liên kết, hợp tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm cán bộ, công chức theo hướng phục vụ với phong cách làm việc thân thiện, trách nhiệm và hỗ trợ dịch vụ công, tạo đột phá trong thu hút đầu tư. Chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch ngành, lĩnh vực; chỉ đạo sản xuất theo đúng chủ trương, định hướng; quản lý có hiệu quả nguồn nước, chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm, chất thải trong sản xuất nông nghiệp. Bảo vệ chặt chẽ tài nguyên rừng gắn với mục tiêu lâu dài trong bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tập trung đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh.

## **7. Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế để mở rộng thị trường xuất khẩu và thu hút vốn đầu tư.**

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư, mở rộng thị trường xuất khẩu các loại nông sản chủ lực như chuối, sầu riêng, cà phê, mắc ca... Ưu tiên tiếp xúc và đẩy mạnh học tập các tổ chức, các địa phương có thế mạnh, kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp để tiếp cận khoa học, công nghệ, kỹ thuật canh tác, mở rộng và phát triển thị trường xuất khẩu nông sản.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch về hội nhập quốc tế của tỉnh, trong đó chú trọng chính sách tuyên truyền, phổ biến thông tin về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam đã và đang ký kết (CPTPP, EVFTA, RCEP...) để phát triển sản xuất, xuất khẩu các mặt hàng giá trị cao, lợi thế của huyện.

- Đẩy mạnh việc xây dựng mã số vùng trồng các cây trồng chủ lực. Cập nhật, áp dụng những tiêu chuẩn, quy chuẩn trong sản xuất, chế biến đảm bảo phù hợp yêu cầu thị trường, hàng rào kỹ thuật của nước nhập khẩu.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; khuyến khích thu hút đầu tư trong lĩnh vực chế biến, giống, công nghệ cao.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Các tổ chức cơ sở Đảng** triển khai thực hiện Chương trình hành động của Huyện ủy phù hợp với tình hình thực tế địa phương, cơ quan, đơn vị, đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân, nhằm nâng cao nhận thức trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU của Tỉnh ủy và Chương trình hành động của Huyện ủy.

**2. Ủy ban nhân dân huyện** xây dựng kế hoạch thực hiện; trong đó xác định lộ trình, phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các Ban xây dựng Đảng Huyện ủy theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

**3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam** và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn huyện, nhằm nâng cao nhận thức, chủ động triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 21-NQ/TU của Tỉnh ủy và Chương trình hành động của Huyện ủy.

**4. Ban Tuyên giáo Huyện ủy** chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức học tập, quán triệt, triển khai và tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 21-NQ/TU của Tỉnh ủy và Chương trình hành động của Huyện ủy đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn huyện.

### Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy,
- TT.HU, HĐND, UBND huyện,
- Các ban và Văn phòng Huyện ủy,
- Các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện,
- Các TCCSĐ trực thuộc Huyện ủy,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn Phòng Huyện ủy.

**T/M HUYỆN ỦY  
BÍ THƯ**



**Nguyễn Văn Lộc**